

Bản án số: 227/2024/DS-ST
Ngày 05 - 8 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Ông Nguyễn Văn Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 348/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP PT TPHCM; địa chỉ trụ sở: Số 25 Bis NTMK, phường BN, q 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc T – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Lê Minh L – Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 1489/2023/QĐ-TGD ngày 23/5/2023).

Người đại diện hợp pháp của ông L: Chị La Trần Thùy N – Chuyên viên quản lý khách hàng là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 24/2024/ UQ-HDB ngày 14/5/2024) (vắng mặt).

- **Bị đơn:**

1. Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp ND, xã QPB,

huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Diễm K, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ cư trú: Ấp ND, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện Ngân hàng trình bày: Ngân hàng TMCP PT TPHCM cho anh Nguyễn Hoàng V, chị Nguyễn Thị Diễm K vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức số 23700/21MN/HĐTD ngày 03/06/2021, 3316/22MN/HĐTD ngày 21/01/2022, 3316/22MN/HĐTD/PL01, 9544/23MN/HĐTD ngày 06/04/2023 cùng các Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 23700/21MN/HĐTD; khế ước nhận nợ số 23700/21MN/HĐTD/KUNN01; ngày giải ngân 08/6/2021; ngày đến hạn 07/6/2026; lãi suất 9%/năm; số tiền giải ngân 1.000.000.000đ.

Khế ước nhận nợ số 3316/22MN/HĐTD/KUNN05; ngày giải ngân 23/8/2016; ngày đến hạn 23/8/2020; lãi suất 13.5%/năm; số tiền giải ngân 1.000.000.000đ.

Hợp đồng tín dụng số 3316/22MN/HĐTD; khế ước nhận nợ số 3316/22MN/HĐTD/KUNN06; ngày giải ngân 16/3/2023; ngày đến hạn 15/3/2024; lãi suất 13.5%/năm; số tiền giải ngân 1.000.000.000đ.

Khế ước nhận nợ số 3316/22MN/HĐTD/KUNN07; ngày giải ngân 16/3/2023; ngày đến hạn 15/3/2024; lãi suất 13.5%/năm; số tiền giải ngân 1.000.000.000đ.

Hợp đồng tín dụng số 9544/23MN/HĐTD; khế ước nhận nợ số 9544/23MN/HĐTD/KUNN01; ngày giải ngân 10/4/2023; ngày đến hạn 10/4/2024; lãi suất 13.5%/năm; số tiền giải ngân 340.000.000đ.

Thẻ tín dụng số 416259****2728; ngày giải ngân 05/3/2022; lãi suất 27%/năm; số tiền vay 100.000.000đ.

Mục đích vay vốn: Theo từng khế ước nhận nợ

Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên gồm:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 526, tờ bản đồ số 5, ấp Nhà Dài, xã Quách Phẩm Bắc, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 161495, số vào sổ cấp GCN: CS 01143 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 04/05/2021; cập nhật thay đổi ngày 10/12/2021.

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 495, tờ bản đồ số 5, ấp Nhà Dài, xã Quách Phẩm Bắc, huyện ĐD,

tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 161494, số vào sổ cấp GCN: CS 01142 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 04/05/2021; cập nhật thay đổi ngày 10/12/2021.

Tài sản thứ ba: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 294, tờ bản đồ số 1, địa chỉ tại ấp Bến Bào, xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 420162, số vào sổ cấp GCN: CS 00592 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/05/2018; cập nhật thay đổi ngày 28/04/2021.

Tài sản thứ tư: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 5, địa chỉ tại ấp Nhà Dài, xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 308157, số vào sổ cấp GCN: CS 00673 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 27/12/2018.

Tính đến thời điểm hiện nay, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng anh V, chị K vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều khoản về nghĩa vụ trả nợ của các Hợp đồng tín dụng đã ký với HDBank.

Đến ngày 25/04/2024, tổng số tiền anh V, chị K còn nợ Ngân hàng là 4.941.619.873 đồng. Trong đó: Gốc: 4.407.255.754 đồng; lãi trong hạn: 401.010.902 đồng; lãi quá hạn: 112.007.668 đồng; phí phạt thẻ: 21.345.549 đồng

Nay ngân hàng anh V và chị K phải thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền 4.941.619.873 đồng (.Trong đó: Gốc: 4.407.255.754 đồng; lãi trong hạn: 401.010.902 đồng; lãi quá hạn: 112.007.668 đồng; phí phạt thẻ: 21.345.549), lãi phát sinh và xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp anh V, chị K không thanh toán nợ để thu hồi nợ.

Đối với anh Nguyễn Hoàng V, chị Nguyễn Thị Diễm K, ông Nguyễn Văn H là người có tài sản trên đất thế chấp đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP PT TPHCM, buộc anh V và chị K trả cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số tiền vốn 4.312.212.355đ, lãi

708.658.838đ, tổng cộng 5.020.871.193đ; nợ Ngân hàng theo thẻ tín dụng số tiền vốn 100.000.000đ, lãi và phí phạt 65.826.173đ, tổng cộng 165.826.173đ.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và cho phép Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo khoản tiền vay để thu hồi nợ, nếu trường hợp anh V, chị K không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Chi phí xem xét tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP PT TPHCM khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hoàng V, chị Nguyễn Thị Diễm K trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh V, chị K, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh V, chị K, ông H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng anh V, chị K có ký kết Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ với Ngân hàng TMCP PT TPHCM để vay tiền. Đồng thời, anh V và chị K có ký kết tiếp hợp đồng thế chấp tài sản đổi là các phần đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 420162 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho anh Huỳnh Tấn Đ ngày 08/6/2018 (đã chỉnh lý trang 04 cho anh V); DB 161495 và DB 161494 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho bà Nguyễn Thị L1 ngày 04/5/2021 (đã chỉnh lý trang 04 cho anh V); CP 308157 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho anh Nguyễn Hoàng V ngày 27/12/2018 để đảm bảo cho khoản vay với Ngân hàng là thực tế có xảy ra.

[4] Xét hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và vợ chồng anh V, chị K về mức lãi suất nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử 05/8/2024 anh V, chị K còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số tiền vốn 4.312.212.355đ, lãi 708.658.838đ, tổng cộng 5.020.871.193đ; nợ Ngân hàng theo thẻ tín dụng số tiền

vốn 100.000.000đ, lãi và phí phạt 65.826.173đ, tổng cộng 165.826.173đ. Như vậy, việc anh V, chị K không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã làm thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Đối với anh V, chị K, ông H: Mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện của ngân hàng, nhưng không phản đối bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét yêu cầu của ngân hàng về việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với nội dung của Án lệ số 08/2016/AL nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của ngân hàng về việc thanh lý tài sản đảm bảo trong trường hợp anh V, chị K không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo và quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét về án phí dân sự và chi phí tố tụng: anh V và chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 157 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 10 tháng 07 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP PT TPHCM.

1. Buộc anh Nguyễn Hoàng V và chị Nguyễn Thị Diễm K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP PT TPHCM số tiền là 5.186.697.366 đồng (năm tỷ một trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp anh Nguyễn Hoàng V, chị Nguyễn Thị Diễm K không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng, thì Ngân hàng TMCP PT TPHCM có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là các phần đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 420162 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho anh Huỳnh Tấn Đ ngày 08/6/2018 (đã chỉnh lý trang 04 cho anh Nguyễn Hoàng V); DB 161495 và DB 161494 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 04/5/2021 (đã chỉnh lý trang 04 cho anh Nguyễn Hoàng V và chị Nguyễn Thị Diễm K); CP 308157 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho anh Nguyễn Hoàng V ngày 27/12/2018 để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ngân hàng TMCP PT TPHCM không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ngân hàng 56.204.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001256 ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4.2. Anh Nguyễn Hoàng V và chị Nguyễn Thị Diễm K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 113.186.000 đồng.

5. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng V và chị Nguyễn Thị Diễm K phải chịu chi phí xem xét tại chỗ là 300.000 đồng. Buộc anh Nguyễn hoàng V, chị Nguyễn Thị Diễm K phải có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP PT TPHCM.

6. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét tại chỗ, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi

hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh